

Bản án số: 04/2018/HS - ST
Ngày 12 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tòng Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lò Thị Hạnh, bà Lò Thị Dậu

- Thư ký phiên tòa: bà Lò Thị Thu - Thư ký TANDhuyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: ông Lò Văn Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2018 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLHS - ST ngày 08/02/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quảng Văn T (tên gọi khác: Không) - sinh năm 1988 tại huyện T; Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: Đội 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn H: 12/12; Con ông Quảng Văn N - SN 1964 và bà Tòng Thị S - SN 1966; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không; Tiền sự: có 01 tiền sự; Bắt tạm giam từ ngày 29/11/2017; Ngày 27/01/2018 bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: bà Mào Thị T – sinh năm 1976; Nơi cư trú: Đội 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên/vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ anh Tòng Văn K – sinh năm 1994/có mặt

+ chị Tòng Thị L – sinh năm 1995/ có mặt

+ bà Lò Thị H – sinh năm 1981/có mặt

Cùng trú tại: Đội 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

+ bà Lại Thị M - sinh năm 1964;Trú tại: Đội 3, xã M,huyện T, tỉnh Điện Biên/có mặt

+ bà Lò Thị P – sinh năm 1950; Trú tại: Đội 8, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên/có mặt

- Người phiên dịch: ông Sầm Hồng S; Trú tại: Tổ dân phố Thắng Lợi 1, Thị trấn C, huyện T, tỉnh Điện Biên/có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/9/2017 sau khi ngủ trưa dậy tại nhà em gái là Quàng Thị A bị cáo có ra soi gương ở chiếc tủ gỗ ép của gia đình bà Mào Thị T đang gửi nhờ tại sân nhà Quàng Thị T, khi đứng soi gương bị cáo thấy cánh cửa tủ kính bên trái bị khóa, nên bị cáo dùng tay phải kéo mạnh cánh cửa tủ ra và nhìn thấy trong tủ có 01 cuộn vải màu trắng, 01 chiếc túi nilon màu trắng có in hình các bông hoa, bị cáo mở túi nilon ra thấy có 04 vòng đeo tay bằng bạc, 03 đồng xu kim loại màu trắng, 01 hộp nhựa màu vàng hình trái tim khi mở hộp bị cáo thấy trong hộp có 01 sợi dây chuyền màu vàng, một mặt dây chuyền màu vàng hình chữ X trên mặt dây có đính nhiều hạt đá nhỏ không màu, bị cáo lấy toàn bộ số tài sản trên cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc và đóng cánh tủ lại. Khoảng 12 giờ trưa bị cáo đi bộ đến trường Trung học thuộc đội 2, xã M thì gặp bà Lò Thị H đi chợ về, bị cáo nhờ bà H đi bán hộ dây chuyền và bà H đồng ý. Bị cáo dùng xe mô tô của bà H chở bà đến cửa hàng vàng bạc X thuộc đội 3, xã M để bán, bà H một mình cầm dây chuyền vào cửa hàng để bán còn bị cáo đứng ngoài đường chờ và vứt chiếc hộp nhựa màu vàng xuống đường, tại đây bà H bán sợi dây chuyền cùng mặt dây chuyền trị giá 1.240.000đồng (gồm mệnh giá: 500.000đ có 02 tờ; 100.000đ có 02 tờ; 20.000đ có 02 tờ), sau khi bán được bà H đã tự ý cất giấu số tiền 40.000đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân và bà đưa cho bị cáo số tiền 1.200.000đồng, bị cáo trả công đi bán hộ cho bà H là 100.000đồng. Khi bán được bị cáo dùng xe bà H chở bà đến gần khu vực lò gạch thuộc tổ dân phố B, bị cáo một mình đi bộ vào tổ dân phố B để mua ma túy sử dụng hết 50.000đồng của một người không biết tên, tuổi địa chỉ, ở đâu.

Đến khoảng 17 giờ ngày 01/10/2017 bị cáo đi làm gạch về đến đến Bản N thuộc đội 8, xã M, bị cáo gặp bà P tại quán bán hàng tạp hóa, bị cáo hỏi bà P có mua bạc không gồm 04 vòng đeo tay, 03 đồng xu kim với giá 700.000đồng, khi xem xong bà P chỉ mua với giá 550.000đồng và bị cáo đồng ý bán (gồm mệnh giá: 100.000đ có 02 tờ; 20.000đ có 02 tờ; 10.000đ có 31 tờ). sau đó bị cáo đi bộ vào tổ dân phố Bản Cáp mua ma túy sử dụng hết 70.000đồng của một người không biết tên, tuổi địa chỉ, ở đâu. Đến khoảng 15 giờ ngày 02/10/2017 bị cáo gặp một người phụ nữ tên là Ấu tại tổ dân phố B và có đủ bị cáo đi làm thuê ở Quảng Ninh cùng, hẹn gặp nhau tại bến xe khách huyện T lúc 16 giờ cùng ngày, khi vào tổ dân phố B mua ma túy sử dụng xong quay về nhà lấy đồ dùng cá nhân để làm thuê nhưng do không có túi đựng đồ nên bị cáo tự ý sang lấy 01 chiếc ba lô vải màu đen có hai dây đeo trong tủ ép của gia đình bà T tại sân nhà Quàng Thị A. khi bị cáo ra đến bến xe, xe đã xuất bến nên bị cáo không đi nữa. bà T khi nhìn thấy bị cáo đeo chiếc ba lô giống của con trai, bà nảy sinh nghi ngờ vào kiểm tra thấy mất một số tài sản để trong tủ nên bà gọi điện thoại báo cho con trai Tòng Văn K biết. Sau khi phát hiện mất tài sản ngày 02/10/2017 gia đình người bị hại đã có đơn trình báo với cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T, cơ quan điều tra đã triệu tập và lấy lời khai làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo.

Vật chứng Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- Số tiền 140.000đồng đồng có các mệnh giá và số lượng như sau:
- + mệnh giá 100.000đ có 01 tờ;

- + mệnh giá 20.000đ có 02 tờ;
- 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 002601 mang tên Lò Thị H do Công an huyện T cấp ngày 14/6/2013;
- 01 ba lô chất liệu vải màu đen – xanh có hai đeo (có đồ cá nhân của bị cáo);
- 01 sợi dây chuyền màu vàng;
- 01 miếng kim loại màu vàng hình chữ X có đính các viên đá nhỏ không màu;
- 04 vòng đeo tay kim loại màu trắng bạc;
- 03 đồng xu kim loại màu trắng bạc;
- 01 chiếc hộp nhựa màu vàng hình trái tim cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Tại bản kết luận giám định số: 5074/C54 (P4) ngày 02/11/2017 của Viện khoa học hình sự kết luận: 01 sợi dây chuyền màu vàng có khối lượng 3,52 gam, hàm lượng vàng trung bình 54,76%; 01 miếng kim loại màu vàng đính 20 viên đá nhỏ không màu có khối lượng 1,41gam là hợp kim hàm lượng đồng 38,82%, kẽm 6,42%; 03 đồng kim loại màu trắng được ký hiệu M1, M2, M3 có pha tạp chất của đồng, kẽm, niken; 04 vòng tay kim loại màu trắng được ký hiệu M4, M5, M6, M7 có pha tạp chất của bạc, đồng, kẽm, niken, hàm lượng bạc trung bình là 34,92%, 65,58%, 72,48%.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận: 01 sợi dây chuyền kim loại màu vàng và 01 miếng kim loại màu vàng được chế tác hình chữ X có đính 20 viên đá nhỏ không màu có giá thị trường tại thời điểm tháng 9/2017 là 2.552.000đồng; 03 đồng kim loại màu trắng giá thị trường tại thời điểm tháng 9/2017 có tổng trị giá 30.000đồng; 04 vòng tay bằng bạc giá thị trường tại thời điểm tháng 9/2017 có tổng trị giá 654.700đồng. Tổng cộng là 3.236.700đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 06/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T đã kết luận: 01 ba lô bằng vải màu đen - xanh có quai đeo có giá thị trường tại thời điểm tháng 9/2017 là 20.000đồng.

Tại cơ quan điều tra bị hại bà Mào Thị T có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo về địa điểm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt, về nguồn gốc số tài sản bị chiếm đoạt cơ quan điều tra đã làm rõ. Quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vấn đề gì và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn K, chị Tòng Thị L tại phiên tòa đề nghị hội đồng xét xử xem xét trả lại số tài sản mà bị cáo lấy trộm cũng như xác nhận nguồn gốc tài sản của mình đưa cho người bị hại cất, giữ hộ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo phải bồi thường vấn đề gì và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H, bà Lò Thị P, bà Lại Thị M đã khai nhận về nguồn gốc số tài sản không biết số tài sản là do bị cáo trộm cắp mà có. bà Lò Thị P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 550.000đồng; bà Lại Thị M yêu cầu bà H và bị cáo bồi thường số tiền 1.240.000đồng.

Bản cáo trạng số 01/CT – VKS ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Quảng Văn T về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1

Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện T giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, không áp dụng hình phạt bổ sung; Về trách nhiệm bồi thường dân sự: buộc bị cáo phải trả lại số tiền 550.000đồng cho bà P, trả lại 1.100.000đồng cho bà M; Về vật chứng đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015, điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 trả lại tài sản cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên.

Tại phiên bị cáo giữ nguyên ý kiến như lời khai tại cơ quan điều tra và không có ý kiến tranh luận gì sau khi nghe luận tội của Viện kiểm sát. Ngoài ra bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền cho bà P, bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt Bị hại, xét thấy sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về nội dung vụ án:

Qua lời khai của bị cáo và các chứng cứ đã làm rõ tại phiên tòa đã xác định được: Bị cáo Quảng Văn T vì muốn có tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, nên vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 30/9/2017, khi thấy bị hại không để ý trông giữ tài sản, bị cáo đã lấy 01 sợi dây chuyền vàng tây và một mặt dây chuyền màu vàng hình chữ X có đính 20 viên đá nhỏ không màu, 04 vòng đeo tay, 03 đồng xu có tổng trị giá tài sản là 3.236.700đồng của gia đình bị hại Mào Thị T. Ngoài ra bị cáo còn lấy trộm 01 ba lô bằng vải màu đen – xanh có hai dây đeo của anh K để tại ngăn tủ của gia đình bị hại Mào Thị T có giá trị 20.000đồng. Đến khoảng 12 giờ trưa ngày 01/10/2017 bị cáo đã nhờ bà H bán hộ 01 sợi dây chuyền cùng mặt dây chuyền cho cửa hàng vàng bạc gia đình bà Lại Thị M với giá 1.240.000đồng; khoảng 17 giờ ngày 01/10/2017 bị cáo bán 04 vòng đeo tay, 03 đồng xu cho bà Lò Thị P với 550.000đồng. Số tiền bán tài sản bị cáo mua ma túy sử dụng và chi cá nhân hết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H do không biết nguồn gốc tài sản bị cáo nhờ bán hộ là do bị cáo trộm cắp mà có, nên đồng ý đi bán hộ 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền và được bị cáo trả công 100.000đồng, sau khi bán được 1.240.000đồng bà tự ý cất giấu số tiền 40.000đồng để sử dụng cho mục đích cá nhân, xét thấy hành vi cất giấu chưa đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm

chiếm đoạt tài sản và bà đã giao nộp số tiền 140.000đồng cho cơ quan điều tra, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét về trách nhiệm hình sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị P, bà Lại Thị M khi mua tài sản do không biết nguồn gốc tài sản do bị cáo trộm cắp mà có, nên HĐXX không đặt vấn đề xem xét về trách nhiệm hình sự.

Người đã bán ma túy cho bị cáo, do bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ ở đâu, nên HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại tại cơ quan điều tra về số lượng, đặc điểm của tài sản bị chiếm đoạt và tài sản cơ quan điều tra đã thu hồi được phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, chị L, bà H, bà P, bà M cũng như phù hợp với các chứng cứ khác như: biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, kết luận giám định, kết quả nhận dạng vật chứng, khám nghiệm hiện trường.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã lợi dụng chủ sở hữu sơ hở trong việc quản lý tài sản, đã lén lút lấy trộm 01 sợi dây chuyền màu vàng và một mặt dây chuyền có đính 20 viên hạt đá nhỏ không màu, 04 vòng đeo tay, 03 đồng xu mang đi bán lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt theo kết luận định giá là 3.236.700đồng. Ngoài ra bị cáo còn lấy trộm 01 ba lô của gia đình bị hại để đựng đồ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999. Do đó, VKSND huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, xuất thân từ gia đình làm nông nghiệp, được học văn hóa hết lớp 12/12. Bị cáo chưa có tiền án, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh K, chị L đều xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của của BLHS năm 2015.

Xét tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu đang ngày càng có chiều hướng gia tăng, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, mặt khác bị cáo là người có sử dụng chất ma túy, năm 2013 bị cáo bị UBND huyện T áp dụng biện pháp đưa đi cai nghiện bắt buộc, năm 2015 bị TAND huyện T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 22 tháng, tính đến thời điểm phạm tội chưa hết thời hạn được coi chưa bị xử lý vi phạm hành chính, nên bị cáo không phải là người có nhân thân tốt, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi của bị cáo đã xâm hại đến tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, do đó HĐXX thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có việc làm và thu nhập thường xuyên, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Bồi thường dân sự: áp dụng các Điều 357, 584, 585, 586, 589 của BLDS năm 2015: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 1.100.000đồng cho bà Lại Thị M, bồi thường số tiền 550.000đồng cho bà Lò Thị P.

Kể từ ngày bà P, bà M có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu số tiền theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

[6] Xử lý vật chứng: 04 vòng đeo tay, 03 đồng xu đều bằng kim loại trắng bạc, 01 sợi dây chuyền màu vàng và một miếng kim loại màu vàng có đính 20 viên đá nhỏ không màu đã được niêm phong trong một phong bì thư trả lại cho người bị hại bà Mào Thị T; trả lại 01 ba lô bằng vải màu đen - xanh có hai dây đeo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòng Văn K; trả lại 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H; trả lại số tiền 140.000đồng đã được niêm phong cho bà Lại Thị M.

Các vật chứng khác không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là phù hợp, nên HĐXX chấp nhận; 01 hộp nhựa màu vàng hình trái tim cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy, nên HĐXX không đặt vấn đề xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Quảng Văn T 08 tháng tù. Nhưng khấu trừ cho bị cáo 60 ngày tạm giam. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng các Điều 357; 584; 585; 586; 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo bồi thường số tiền 1.100.000đồng cho bà Lại Thị M- SN 1964, trú tại đội 3, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Buộc bị cáo bồi thường số tiền 550.000đồng cho bà Lò Thị P – SN 1950, trú tại Đội 8, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Chấp nhận việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp bị cáo Quảng Văn T, theo biên bản trao trả đồ vật, tài sản ngày 04/10/2017 của Công an huyện T.

- Trả lại: 04 vòng đeo tay, 03 đồng xu đều bằng kim loại trắng 01 sợi dây chuyền màu vàng và một miếng kim loại màu vàng có đính 20 viên đá nhỏ không màu đã được niêm phong trong một phong bì thư cho bị hại bà Mào Thị T – SN 1976, trú tại: Đội 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Trả lại: 01 ba lô chất liệu bằng vải màu đen – xanh có ba ngăn có khóa, phía trước có hai dây đeo, mặt sau phía trên có dòng chữ LoWe alpne VISION55, phía dưới có dòng chữ AIRCOOLEDBACKSYSTEM cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn K– SN 1994, trú tại: Đội 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Trả lại: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002601 cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị H – SN 1981, trú tại: Đội 2, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

- Trả lại: Số tiền 140.000 đồng đã được niêm phong trong một phong bì thư cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lại Thị M - SN 1964, trú tại: Đội 3, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Các vật chứng nêu trên Chi cục thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/02/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/3/2018). Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, bị cáo những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị P, bà Lại Thị Mỹ có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA TAT;
- VKSND huyện Tòa Chùa;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQTHAHS CA huyện Tòa Chùa;
- CQTHADS huyện Tòa Chùa;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị hại;
- Những NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA

Tòng Thị Lan